

Số: /BC-HĐND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO THẨM TRA

**Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình văn hóa xã hội
6 tháng đầu năm, nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2026**
(Trình tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của HĐND tỉnh khóa XX)

Căn cứ nội dung chương trình kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của HĐND tỉnh khóa XX, nhiệm kỳ 2026-2031; thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh thẩm tra tình hình văn hóa xã hội 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2026. Sau khi nghiên cứu báo cáo của UBND tỉnh, Ban có một số ý kiến như sau:

I. Kết quả đạt được

Ban Văn hóa - Xã hội cơ bản nhất trí với các nội dung đánh giá của UBND tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa - xã hội 6 tháng đầu năm 2026. Ban ghi nhận một số kết quả nổi bật trong các lĩnh vực văn hóa - xã hội như:

Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục được triển khai hiệu quả; chất lượng giáo dục mũi nhọn được khẳng định với thành tích cao¹. Các cơ sở giáo dục hoàn thành chương trình năm học 2025 - 2026, tổ chức thành công kỳ thi tuyển sinh lớp 10 và kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026. Việc triển khai các chủ trương, chính sách mới của Trung ương trong lĩnh vực giáo dục² được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, góp phần nâng cao vị thế nghề giáo và chất lượng nguồn nhân lực.

Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được chú trọng. Công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai chủ động, hiệu quả; trên địa bàn tỉnh không xảy ra dịch bệnh nguy hiểm và ngộ độc thực phẩm. Chất lượng khám, chữa bệnh tiếp tục được nâng lên; công tác bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe cho các đối tượng chính sách, người cao tuổi, người có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm thực hiện. Các chủ trương của Trung ương về đổi mới và phát triển hệ thống y tế, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân từng bước được cụ thể hóa và triển khai trong thực tiễn.

Các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch diễn ra sôi nổi, phong phú; nhiều sự kiện văn hóa, lễ hội, hoạt động quảng bá hình ảnh quê hương, con người Bắc Ninh được tổ chức thành công³. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa,

1 Trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia năm học 2025-2026, khối học sinh THPT toàn tỉnh đạt kết quả nổi bật với 174/237 thí sinh đoạt giải, xếp thứ 6 toàn quốc; Trong kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực với 04 giải Huy chương ở các môn Sinh học, Vật lý.

2 Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị; Luật Nhà giáo năm 2025 và các chính sách khác.

3 Các lễ hội truyền thống phục vụ Nhân dân vui Xuân, đón Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026; chào mừng kỷ niệm

xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh tiếp tục được quan tâm. Việc triển khai các chủ trương của Đảng về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ mới bước đầu tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và Nhân dân.

Công tác an sinh xã hội, giải quyết việc làm đạt nhiều kết quả tích cực; số lao động được tạo việc làm mới tăng⁴, người lao động cơ bản ổn định⁵. Các chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo và các nhóm yếu thế được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Việc triển khai các chương trình giảm nghèo, hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề và bảo đảm an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

Hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được đẩy mạnh. Kịp thời thông qua việc ban hành nhiều cơ chế, chính sách, kế hoạch, văn bản chỉ đạo và kiện toàn bộ máy chỉ đạo, điều hành⁶ góp phần tạo chuyển biến tích cực trong triển khai chuyển đổi số trên các lĩnh vực, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Nhìn chung, các lĩnh vực văn hóa - xã hội của tỉnh tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân, tạo nền tảng quan trọng để hoàn thành các nhiệm vụ của năm 2026.

II. Tồn tại, hạn chế

Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất với những đánh giá về tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong báo cáo của UBND tỉnh. Qua hoạt động giám sát, khảo sát và ý kiến phản ánh của cử tri, Ban Văn hóa - Xã hội nhận thấy còn một số hạn chế, tồn tại đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo, cụ thể như sau:

1. Về lĩnh vực giáo dục - đào tạo

Công tác xây dựng, duy trì trường đạt chuẩn quốc gia: Công tác xây dựng, duy trì trường đạt chuẩn quốc gia, nhất là trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, còn gặp nhiều khó khăn. Toàn tỉnh hiện có 598/1.196 trường đạt chuẩn quốc gia

96 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Đặc biệt, tổ chức chuỗi sự kiện nhân dịp Bắc Ninh đón nhận Bằng của UNESCO ghi danh di sản Nghề làm tranh dân gian Đông Hồ vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp; công bố Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn - Kiếp Bạc là Di sản văn hóa thế giới và Festival “Về miền di sản Bắc Ninh - 2026”.

4 Đến hết tháng 6/2026, toàn tỉnh tạo việc làm mới cho 27.027 lao động đạt 51,97% kế hoạch.

5 Thu nhập bình quân người lao động khoảng 10 triệu đồng/tháng.

6 Ban hành Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND tỉnh Bắc Ninh Ban hành quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động UDCNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn NSNN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Tham mưu trình tại kỳ thường lệ giữa năm 2026 của HĐND để ban hành Nghị quyết Quy định về một số nội dung chi, mức chi cho quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Nghị quyết về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi cho hoạt động Ban Chỉ đạo, Hội đồng tư vấn, Tổ Giúp việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Hỗ trợ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030.

mức độ 2 (đạt 50%), mới có 48/99 xã, phường đạt tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 từ 51,3% trở lên. Đến hết tháng 7/2026, chưa có trường nào được công nhận mới hoặc công nhận lại đạt chuẩn quốc gia. Nguyên nhân chủ yếu do khó khăn trong đáp ứng các tiêu chí về cơ sở vật chất, quỹ đất, phòng học bộ môn, phòng chức năng, phòng cháy, chữa cháy và đội ngũ giáo viên, nhân viên.

Cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên: Tiến độ đầu tư, nâng cấp trường học ở một số địa phương còn chậm; nhiều xã còn khó khăn trong cân đối nguồn lực đầu tư. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại một số trường trọng điểm chưa đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục chất lượng cao và bồi dưỡng học sinh giỏi. Tình trạng thiếu giáo viên ở một số môn học, cấp học chưa được khắc phục; việc tuyển dụng, thu hút giáo viên chất lượng cao còn hạn chế, chất lượng đội ngũ giữa các địa phương chưa đồng đều.

Chất lượng giáo dục: Chất lượng giáo dục còn một số hạn chế. Mặc dù tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục, song chất lượng giáo dục đại trà có dấu hiệu chững lại, thứ hạng kết quả thi tốt nghiệp THPT toàn quốc giảm⁷. Công tác phát triển giáo dục mũi nhọn, bồi dưỡng học sinh giỏi còn vướng mắc do một số cơ chế, chính sách chưa được hướng dẫn thống nhất; chất lượng học sinh giỏi giữa các đơn vị chưa đồng đều, công tác tạo nguồn học sinh chất lượng cao còn khó khăn. Việc tổ chức đội tuyển học sinh giỏi quốc gia chung giữa hai trường THPT chuyên còn bất cập về điều kiện tổ chức, địa điểm học tập, di chuyển và phối hợp chuyên môn.

Về chuyển đổi số trong giáo dục: Việc triển khai chuyển đổi số trong giáo dục đã được quan tâm nhưng hạ tầng công nghệ thông tin tại một số cơ sở giáo dục còn chưa đồng bộ; năng lực ứng dụng công nghệ và khai thác các nền tảng số của một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên còn hạn chế. Bên cạnh việc khai thác hiệu quả các thành tựu khoa học, công nghệ, cần quan tâm phát triển năng lực tự duy độc lập, sáng tạo, kỹ năng tự học và tự nghiên cứu của học sinh; hạn chế tình trạng lệ thuộc vào các công cụ công nghệ, bảo đảm việc ứng dụng công nghệ thực sự trở thành công cụ hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Về lĩnh vực y tế, an sinh xã hội

Về y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân: Năng lực của một số cơ sở y tế, nhất là tuyến cơ sở, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của Nhân dân; cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực y tế tại một số đơn vị còn thiếu và chưa đồng bộ. Công tác thu hút, đào tạo và giữ chân đội ngũ bác sĩ, nhân viên y tế có trình độ chuyên môn cao còn gặp khó khăn. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành y tế tuy đã được triển khai nhưng hiệu quả chưa đồng đều giữa các đơn vị. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ; tình trạng thực phẩm không rõ nguồn gốc, thực phẩm kém chất lượng, thuốc giả, thực phẩm chức năng không bảo đảm chất lượng còn gây lo ngại

7 Năm 2024 (trước sáp nhập): Bắc Ninh cũ với 7,205 điểm, xếp thứ 5/63, Bắc Giang với 6,862 điểm, xếp thứ 19/63. Năm 2025 (sau sáp nhập) với 6,30 điểm, xếp thứ 9/34. Năm 2026 với 5,91 điểm, xếp thứ 10/34.

trong Nhân dân. Hoạt động của các trạm y tế xã, phường sau sắp xếp còn nhiều lúng túng.

Về an sinh xã hội: Đời sống của một bộ phận người dân, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi và các đối tượng bảo trợ xã hội còn gặp nhiều khó khăn. Cơ hội tiếp cận việc làm của các nhóm yếu thế còn hạn chế. Nhu cầu chăm sóc sức khỏe, trợ giúp xã hội và bảo đảm an sinh đối với người cao tuổi ngày càng gia tăng trong bối cảnh già hóa dân số, tạo áp lực đối với hệ thống y tế và an sinh xã hội.

3. Về lĩnh vực văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao, du lịch

Công tác quản lý, bảo vệ di tích: Việc lưu trữ, quản lý hồ sơ di tích chưa đầy đủ theo quy định; nhiều di tích chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn xảy ra tình trạng lấn chiếm, tranh chấp đất đai, ảnh hưởng đến công tác quản lý, bảo vệ và tu bổ di tích. Hoạt động của một số Ban quản lý di tích còn hình thức; đội ngũ chủ yếu kiêm nhiệm, chưa được đào tạo chuyên sâu, công tác phối hợp với chính quyền và cơ quan chuyên môn có nơi chưa chặt chẽ.

Công tác bảo tồn, tu bổ: Nhiều di tích đã được xếp hạng nhưng chưa được quan tâm quy hoạch, lập kế hoạch tu bổ, tôn tạo di tích; chưa kịp thời đầu tư tu bổ, vẫn trong tình trạng xuống cấp; nguồn lực đầu tư còn hạn chế⁸, một số địa phương còn trông chờ vào ngân sách cấp tỉnh, chưa chủ động xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực phù hợp.

Chuyển đổi số và khai thác giá trị di sản: Đến nay mới có 628/1.455 di tích được số hóa hồ sơ (đạt 43,2%); việc xây dựng cơ sở dữ liệu số và ứng dụng công nghệ trong quản lý, bảo tồn di sản còn chậm. Hoạt động liên kết, xây dựng sản phẩm văn hóa, du lịch gắn với di sản còn thiếu đa dạng; việc khai thác giá trị di sản phục vụ phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng, nhiều di tích sau tu bổ chưa phát huy hiệu quả.

4. Về lĩnh vực thông tin, chuyển đổi số

Về cơ chế, chính sách và nguồn lực: Tiến độ giải ngân kinh phí đầu tư cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và chuyển đổi số còn chậm; việc phân bổ dự toán ở một số cơ quan, đơn vị chưa kịp thời, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án, nhiệm vụ và đầu tư hạ tầng số. Việc triển khai chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP còn chậm, chưa được thực hiện.

Về hạ tầng số: Hạ tầng số chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện. Hạ tầng Trung tâm dữ liệu của tỉnh được hình thành trên cơ sở tận dụng hai Trung tâm dữ liệu của hai tỉnh trước khi sáp nhập nên còn thiếu tính đồng bộ. Một số xã, phường chưa khai thác hiệu quả hệ thống mạng truyền số liệu

⁸ Giai đoạn 2023-2025 tổng kinh phí huy động cho công tác bảo tồn di tích động gần 813.437.923.500 cho công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, trong đó: Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ 426.300.000.000 tỷ đồng và nguồn xã hội hóa khoảng 387.137.923.500 tỷ đồng

chuyên dùng phục vụ hội nghị trực tuyến do vẫn sử dụng nhiều trụ sở cũ; trang thiết bị công nghệ thông tin, nhất là máy tính tại một số xã, phường có cấu hình thấp, chưa đáp ứng yêu cầu vận hành các hệ thống, nền tảng số.

Về nguồn nhân lực chuyển đổi số: Nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số còn thiếu, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin và chuyển đổi số ở cấp cơ sở. Nhiều cơ quan, đơn vị chỉ bố trí được cán bộ kiêm nhiệm, ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu, tổ chức triển khai và duy trì các hoạt động chuyển đổi số.

Về ứng dụng và sử dụng các nền tảng số: Việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và phục vụ người dân tuy đã có chuyển biến nhưng hiệu quả chưa đồng đều, nhất là ở cấp cơ sở. Mức độ sử dụng dịch vụ số của người dân còn chênh lệch giữa các khu vực; một bộ phận người dân còn hạn chế về kỹ năng số, chưa hình thành thói quen ưu tiên sử dụng dịch vụ công trực tuyến mà vẫn trực tiếp đến cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục hành chính. Hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng ở một số địa phương chưa phát huy hết vai trò trong hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các nền tảng số.

5. Về chính sách tôn giáo, dân tộc

Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo tại một số địa bàn có lúc, có nơi chưa thực sự hiệu quả. Việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số, chức sắc, chức việc và tín đồ các tôn giáo ở một số địa phương còn chưa kịp thời.

Một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn gặp khó khăn trong quá trình triển khai; tiến độ thực hiện một số nội dung, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư.

II. Về nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2026

Ban Văn hóa - Xã hội nhất trí với các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về lĩnh vực văn hóa - xã hội 6 tháng cuối năm 2026 mà UBND tỉnh nêu trong báo cáo trình tại kỳ họp. Tuy nhiên, bên cạnh các giải pháp, nhiệm vụ đã nêu, Ban đề xuất một số nội dung bổ sung để UBND tỉnh quan tâm, cụ thể như sau:

1. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Quan tâm thực hiện tốt chủ trương, kết luận về sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã⁹.

9 Thông báo Kết luận số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Kế hoạch 1186/KH-BGDĐT ngày 26/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đẩy mạnh công tác sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập giai đoạn 2026-2030; văn bản số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã.

Tiếp tục quan tâm đầu tư, hoàn thiện mạng lưới trường lớp và cơ sở vật chất giáo dục, ưu tiên bố trí nguồn lực xây dựng, duy trì trường đạt chuẩn quốc gia, nhất là trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; tập trung tháo gỡ những khó khăn về quỹ đất, phòng học bộ môn, phòng chức năng, trang thiết bị dạy học, hệ thống phòng cháy, chữa cháy và các điều kiện bảo đảm theo quy định; đồng thời quan tâm hỗ trợ các địa phương còn khó khăn nhằm thu hẹp khoảng cách về điều kiện dạy và học giữa các vùng.

Có giải pháp khắc phục tình trạng thiếu giáo viên cục bộ; tăng cường thu hút, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn cao, nhất là giáo viên các môn học đặc thù và giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi. Kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các chính sách về bồi dưỡng học sinh giỏi và trường trọng điểm.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục gắn với nâng cao chất lượng dạy học; tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh. Chú trọng phát huy tư duy độc lập, sáng tạo, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu của học sinh, bảo đảm việc ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả trong học tập tránh tình trạng lệ thuộc vào công nghệ.

2. Đối với lĩnh vực y tế, an sinh xã hội

Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở. Có giải pháp thu hút, đào tạo và giữ chân đội ngũ nhân lực y tế chất lượng cao; tăng cường công tác y tế dự phòng, bảo đảm an toàn thực phẩm và kiểm soát các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội; quan tâm hỗ trợ các đối tượng yếu thế, người có hoàn cảnh khó khăn. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng việc làm và thu nhập cho người lao động; chủ động chuẩn bị các điều kiện ứng phó với xu hướng già hóa dân số và nhu cầu bảo trợ xã hội ngày càng gia tăng.

3. Đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch

Tổng rà soát hiện trạng các di tích trên địa bàn, xây dựng kế hoạch, lộ trình, thứ tự ưu tiên đầu tư tu bổ, tôn tạo theo giai đoạn, bảo đảm nguồn lực được sử dụng hiệu quả; đồng thời tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa, nâng cao tính chủ động của địa phương, khắc phục tình trạng trông chờ vào ngân sách cấp tỉnh. Rà soát, hoàn thiện hồ sơ quản lý di tích, nhất là hồ sơ pháp lý về đất đai; tập trung giải quyết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định ranh giới di tích, xử lý tình trạng lấn chiếm, tranh chấp đất di tích, bảo đảm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, bảo vệ lâu dài.

Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban quản lý di tích; tăng cường tập huấn nghiệp vụ, nâng cao trách nhiệm trong quản lý, bảo vệ, theo dõi

hiện trạng và phát huy giá trị di tích. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực di sản văn hóa, hoàn thiện số hóa hồ sơ, dữ liệu và cơ sở dữ liệu di tích; tăng cường liên kết các di tích, phát triển sản phẩm du lịch văn hóa đặc trưng, khai thác hiệu quả giá trị di sản gắn với phát triển du lịch.

4. Đối với lĩnh vực thông tin, chuyển đổi số

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong phân bổ và sử dụng kinh phí. Quan tâm kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác chuyển đổi số; thực hiện đầy đủ các cơ chế, chính sách đối với cán bộ chuyên trách theo quy định. Triển khai hiệu quả Nghị quyết ban hành chính sách thu hút, ưu đãi, hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030 trong lĩnh vực thông tin, chuyển đổi số.

Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng số, cơ sở dữ liệu và tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị; nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền về chuyển đổi số theo hướng thiết thực, dễ tiếp cận; nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ, công chức và người dân. Phát triển thêm các dịch vụ số thiết thực, dễ sử dụng để thu hút người dân tham gia tích hợp đồng bộ trên ứng dụng VNeID.

5. Đối với lĩnh vực dân tộc, tôn giáo

Quan tâm chỉ đạo triển khai kịp thời, đồng bộ các quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản hướng dẫn thi hành mới được ban hành; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo các cấp; rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật hiện hành.

Tăng cường nắm bắt tình hình, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo tại cơ sở; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, góp phần giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban văn hoá - xã hội kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng;
- Lưu: VT, CTHĐND.

TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN

Thân Trung Kiên